|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG  **CỤC TRỒNG TRỌT VÀ**  **BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 18/BC7N-TTBVTV |  |

**BÁO CÁO  
Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

*(Từ ngày 25 tháng 4 đến ngày 01 tháng 5 năm 2025)*

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG**

**1. Tình hình thời tiết trong tuần:** Theo dữ liệu Trung tâm dự báo KTTV Quốc gia.

***1.1. Các tỉnh Bắc bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 26,3 0C; Cao nhất: 34,3 0C; Thấp nhất: 20,2 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 85 %; Cao nhất: 91,8 %; Thấp nhất: 76,5%.

*- Nhận xét:* Trong kỳ, ban ngày phổ biến trời nắng, đôi lúc xuất hiện mưa rào và dông. Riêng khu vực vùng núi, một số xảy ra mưa to kèm dông lốc.

*- Dự báo trong tuần tới*: Từ ngày 02 đến 06/5, khu vực có mưa vài nơi; riêng vực Tây Bắc chiều tối và đêm ngày 03/5 có mưa, mưa rào rải rác; ban ngày trời nắng, một số nơi có thể xảy ra nắng nóng cục bộ. Khoảng từ đêm ngày 05/5 đến ngày 06/5 có mưa, mưa rào rải rác và có nơi có dông. Trong hai ngày 07-08/5, thời tiết phổ biến ít mưa, ban ngày trời nắng, một số nơi có khả năng xảy ra nắng nóng.

***1.2. Các tỉnh Bắc Trung bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 27,5 0C; Cao nhất: 38,2 0C; Thấp nhất: 23,1 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 87,0 %; Cao nhất: 91,3 %; Thấp nhất: 75,3 %.

*- Nhận xét:* Từ ngày 25/4 đến 1/5, sáng sớm có sương mù nhẹ; trưa chiều trời nắng, riêng khu vực vùng núi có nơi xuất hiện nắng nóng, có mưa rào và vài nơi.

*- Dự báo trong tuần tới:* Từ ngày 02 đến 08/5, có mưa vài nơi, ban ngày trời nắng; riêng khu vực vùng núi phía Tây có khả năng xảy ra nắng nóng. Từ ngày 04/5, nắng nóng có xu hướng mở rộng ra diện rộng trên toàn khu vực.

***1.3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên***

*a) Duyên hải Nam Trung bộ (DHNTB):*

Nhiệt độ: Trung bình: 28,6 0C; Cao nhất: 32,9 0C; Thấp nhất: 25,1 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 82,0 %; Cao nhất: 87,6 %; Thấp nhất: 73,6 %.

*b) Tây Nguyên:*

Nhiệt độ: Trung bình: 23 0C; Cao nhất: 34,4 0C; Thấp nhất: 12,8 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 78,0 %; Cao nhất: 91,1 %; Thấp nhất: 68,1 %.

*- Nhận xét:* Trong kỳ qua, thời tiết tại khu vực Đồng bằng và Tây Nguyên ngày nắng nóng, đêm và sáng sớm có sương mù, một số khu vực xuất hiện mưa giông rải rác. Nhìn chung, điều kiện thời tiết thuận lợi cho việc thu hoạch lúa Đông Xuân cuối vụ và xuống giống lúa Hè Thu sớm. Các loại cây trồng chính như lúa Đông Xuân, lúa Hè Thu, rau màu và một số cây công nghiệp khác sinh trưởng và phát triển ổn định.

*- Dự báo trong tuần tới:*

+ Duyên Hải Nam Trung Bộ: Từ ngày 02 đến 08/5, khu vực có mưa rải rác vài nơi, ngày nắng. Từ ngày 04/5, phía Bắc khu vực xuất hiện nắng nóng diện rộng.

+ Tây Nguyên: Từ ngày 02 đến 08/5, ngày nắng, chiều tối xuất hiện mưa rào và dông rải rác.

***1.4. Các tỉnh Nam bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 29,3 0C; Cao nhất: 36,2 0C; Thấp nhất: 23,8 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 77,4 %; Cao nhất: 85,8 %; Thấp nhất: 65,8 %.

*- Nhận xét:* Thời tiết khu vực Nam Bộ trong tuần phổ biến có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng.

*- Dự báo trong tuần tới:* Từ ngày 02-08/5, ngày nắng, một số nơi xuất hiện nắng nóng; chiều tối có mưa rào và dông rải rác.

**2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng**

***2.1. Các tỉnh Bắc bộ***

*a) Cây lúa*

Lúa vụ Đông Xuân 2024-2025: Diện tích đã gieo, cấy **700.606 ha/ 705.000 ha**, đạt 99,4 % so với kế hoạch. Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vụ/ Trà lúa** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Trà sớm | Phơi màu – ngậm sữa | 57.705 |
| Trà chính vụ | Đòng già – trỗ | 230.745 |
| Trà muộn | Làm đòng | 412.156 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **700.606/ 705.000** |

*b) Cây trồng khác*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây ngô xuân | Phát triển bắp | 171.039 |
| - Cây rau xuân | PTTL – Thu hoạch | 88.015 |
| - Cây cà chua | Phát triển quả - Thu hoạch | 702 |
| - Cây lạc xuân | Phát triển củ | 30.150 |
| - Cây ăn quả |  |  |
| + Cây cam, quýt | Phát triển quả | 40.923 |
| + Cây xoài | Phát triển quả | 19.521 |
| + Cây bưởi | Phát triển quả | 36.363 |
| + Cây hoa | PTTL - Nụ, hoa | 2.558 |
| + Cây nhãn | Phát triển quả | 37.750 |
| + Cây vải | Phát triển quả | 47.643 |
| - Cây công nghiệp |  |  |
| + Cây chè | Phát triển búp – Thu hái | 85.704 |
| + Cây cà phê | Phát triển quả - Thu hoạch | 20.468 |
| - Cây lâm nghiệp |  |  |
| + Cây thông | Khai thác nhựa | 366.658 |
| + Cây quế | Kinh doanh | 150.068 |
| + Cây hồi | Kinh doanh | 44.000 |
| + Cây bạch đàn | Phát triển – Kinh doanh | 17.056 |
| + Cây tre, luồng vầu | Kinh doanh | 4.137 |

***2.2. Các tỉnh Bắc Trung bộ***

*a) Cây lúa*

Lúa vụ Đông Xuân 2024-2025: Diện tích đã gieo, cấy **346.373 ha/ 345.000 ha**, đạt 100,40 % so với kế hoạch. Hiện nay đã có 235.351 ha lúa đã trỗ (chiếm 93,9 % diện tích gieo trồng). Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vụ/ Trà lúa** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** |
| Trà sớm | Trỗ bông – Chín | 33.043 |
| Trà chính vụ | Làm đòng – Trỗ | 260.601 |
| Trà muộn | Đứng cái – Làm đòng | 52.729 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **346.373/ 345.000** |

*b) Cây trồng khác*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây ngô | 7 lá – Xoáy nõn – Trỗ cờ - Làm hạt | 45.188 |
| - Cây lạc | Phát triển củ | 25.350 |
| - Cây rau | Cây con - PT thân lá – Thu hoạch | 38.908 |
| - Khoai lang | Phát triển thân lá | 5.209 |
| - Cây sắn | Thu hoạch - Mới trồng – PT thân lá | 42.647 |
| - Cây mía | Thu hoạch – Trồng mới, mọc mầm | 35.179 |
| - Cây cam, chanh | KTCB- Lộc xuân - Ra hoa | 23.946 |
| - Cây cà phê | Ra hoa – Đậu quả | 3.707 |
| - Cây cao su | Ra lá mới | 67.423 |
| - Cây hồ tiêu | Phát triển quả | 3.488 |
| - Cây chè | KTCB - KD | 13.299 |
| - Cây thông | KTCB-KD | 94.627 |
| - Cây keo, bạch đàn | KTCB – KD | 489.142 |
| - Cây luồng | KTCB – KD | 82.333 |

***2.3. Các tỉnh DHNTB và Tây Nguyên***

*a) Cây lúa:*

- Lúa Đông Xuân 2024-2025: Diện tích **328.385 ha/ 322.550 ha**, đạt 102 % so với kế hoạch. Đến ngày 01/5/2025, đã thu hoạch 212.146 ha, chiếm 65 % diện tích. Cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Trà** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện hiện tại (ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Đồng bằng | Sớm | Thu hoạch xong | 0 | 41.606 |
| Chính vụ | Chắc xanh – Thu hoạch | 19.323 | 123.583 |
| Muộn | Ngậm sữa | 47.748 |  |
| Tây Nguyên | Sớm | Thu hoạch xong | 0 | 23.571 |
| Chính vụ | Chắc xanh – Thu hoạch | 16.983 | 23.386 |
| Muộn | Trỗ – Ngậm sữa | 32.185 |  |
|  |  |  | **328.384,9** | **212.145,8** |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | | **328.385/ 322.550** | |

- Lúa Hè Thu sớm 2025: Diện tích đã gieo cấy **9.739 ha** (tăng 3.008 ha so với tuần trước), phổ biến giai đoạn Xuống giống – Mạ, tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Khánh Hòa, Bình Định, Lâm Đồng,….

*b) Cây trồng khác*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** |
| - Ngô Đông Xuân 2024-2025 | | Thâm râu - Thu hoạch | 32.730 |
| - Ngô Hè Thu 2025 | | Xuống giống | 655 |
| - Đậu Đông Xuân 2024-2025 | | Nuôi quả - Thu hoạch | 12.805 |
| - Đậu Hè Thu 2025 | | Xuống giống | 568 |
| - Lạc Đông Xuân 2024-2025 | | Nuôi quả - Thu hoạch | 23.219 |
| - Lạc Hè Thu 2025 | | Xuống giống | 1.286 |
| - Cây rau | | Nhiều giai đoạn | 53.099 |
| - Sắn | |  | ***138.980*** |
| Đồng Bằng | Hè Thu 2024 | Nuôi củ - Thu hoạch | 24.214 |
| Vụ Mùa 2024 | PTTL - Nuôi củ | 1.286 |
| ĐX 2024 - 2025 | PTTL - Tạo củ | 36.772 |
| Hè Thu 2025 | Xuống giống | 1.196 |
| Tây Nguyên | Hè Thu 2024 | Nuôi củ - Thu hoạch | 61.218 |
| Vụ Mùa 2024 | PTTL - Nuôi củ - Thu hoạch | 1.597 |
| ĐX 2024 - 2025 | PTTL - Tạo củ | 12.698 |
| - Cây ăn quả: | |  |  |
| + Thanh long | | Chăm sóc - Thu hoạch | 26.550 |
| + Sầu riêng | | Ra hoa - Quả non | 81.372 |
| + Nho | | Nhiều giai đoạn | 881 |
| + Táo | | Nhiều giai đoạn | 1.122 |
| + Dừa | | Nhiều giai đoạn | 15.934 |
| + Cây có múi | | Các giai đoạn | 9.573 |
| - Cây công nghiệp | |  |  |
| + Chè | | Chăm sóc - Thu hoạch | 9.908 |
| + Mía | | Nhiều giai đoạn | 110.943 |
| + Cà phê | | Quả non | 674.185 |
| + Tiêu | | Chăm sóc sau thu hoạch | 73.617 |
| + Điều | | Ra hoa - Nuôi quả - Thu hoạch | 137.186 |
| + Cao su | | Nhiều giai đoạn | 275.423 |

***2.4. Các tỉnh Nam bộ***

*a) Cây lúa*

- Lúa Đông Xuân 2024-2025: Diện tích đã xuống giống **1.585.136 ha/ 1.548.574 ha**, đạt 102% so với kế hoạch. Đến ngày 01/5/2025, đã thu hoạch 1.551.809 ha, chiếm 98% diện tích gieo trồng, diện tích còn lại đang tập trung ở giai đoạn chín, chuẩn bị cho thu hoạch

- Lúa Hè Thu 2025: Diện tích đã xuống giống  **899.115 ha/1.487.888** đạt60,45%sovới kế hoạch.Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Mạ | 285.486 |  |
| Đẻ nhánh | 295.265 |  |
| Đòng - trỗ | 214.302 |  |
| Chín | 78.127 |  |
| Thu hoạch |  | 25.935 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **899.115/1.487.888** |

*b) Cây trồng khác*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** |
| - Cây rau | Nhiều giai đoạn | 71.895 |
| - Cây ăn quả |  |  |
| + Cây dừa | Nhiều giai đoạn | 177.431 |
| + Cây có múi | Nhiều giai đoạn | 126.910 |
| + Cây xoài | Nuôi quả | 61.416 |
| + Cây chuối | Nhiều giai đoạn | 63.199 |
| + Cây Mít | PTTL, Nuôi quả, Thu hoạch | 65.990 |
| + Cây sầu riêng | Sinh trưởng, TH - chăm sóc | 77.752 |
| + Cây nhãn | Chăm sóc, PTTL | 26.894 |
| + Cây thanh long | Chăm sóc, PTTL | 18.810 |
| + Cây chôm chôm | Chăm sóc, PTTL | 18.404 |
| - Cây công nghiệp |  |  |
| + Cây cao su | Thay lá, ra lá non | 515.532 |
| + Cây điều | Nuôi trái, thu hoạch | 183.763 |
| + Cây sắn (Khoai mì) | PTTL, PT củ, thu hoạch | 60.006 |
| + Cây tiêu | Thu hoạch | 32.048 |
| + Cây cà phê | Ra hoa, nuôi quả | 22.393 |
| + Cây ngô (Bắp) | Nhiều giai đoạn | 16.674 |
| + Cây Mía | Mới trồng, PTTL, đẻ nhánh | 17.797 |

*c) Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng trong vụ*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Vụ | Diện tích bị thiệt hại và khắc phục (ha) | | | Nguyên nhân | |
| Giảm NS  30-70% | Mất trắng (>70%) | Đã gieo  cấy, dặm lại | Khô hạn, nhiễm mặn (ha) | Ngập úng, đổ ngã |
| Đông Xuân 2024-2025 | 182,6 | 38 | 5 | 0 | 220,6 (KG, ST) |
| **Tổng** | **182,6** | **38** | **5** | **0** | **220,6** |

Trong vụ Đông Xuân 2024-2025, tổng cộng có **220,6 ha** lúa bị thiệt hại do ngập úng và đổ ngã, trong đó: *182,6 ha lúa bị thiệt hại 30-70%; 38 ha thiệt hại >70%* tại tỉnh Sóc Trăng và Kiên Giang.

**II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU**

**1. Cây lúa**

***1.1. Bệnh đạo ôn***

*- Bệnh đạo ôn lá*: Diện tích nhiễm 13.182 ha (tăng 3.982 ha so với kỳ trước, tăng 5.499 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 410 ha; diện tích đã phòng trừ trong kỳ 12.908 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Bình, Minh Bình, Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Bình Thuận, Lâm Đồng, An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Đồng Nai, Tiền Giang…;

- *Bệnh đạo ôn cổ bông*: Diện tích nhiễm 183 ha (giảm 157 ha so với kỳ trước, giảm 423 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 02 ha, diện tích đã phòng trừ trong kỳ 981 ha. Phân bố chủ yếu tại tỉnh: Điện Biên, Hà Nam, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị. Thừa Thiên Huế, Gia Lai, Lâm Đồng, Sóc Trăng, …;

*1.2. Sâu cuốn lá nhỏ*:Diện tích nhiễm 125.270 ha (tăng 123.168 ha so với kỳ trước, giảm 10.330 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 54.900; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 927 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Gia Lai, An Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Tiền Giang, …;

***1.3. Rầy hại lúa*:** Diện tích nhiễm 21.569 ha (tăng 18.722 ha so với kỳ trước, giảm 81.005 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 12 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 1.406 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Yên Bái, Tuyên Quang, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Phú Yên, Quảng Nam, Đắk Lắk, Tiền Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Đồng Nai …;

***1.4. Sâu đục thân 2 chấm*:** Diện tích nhiễm 629 ha (giảm 606 ha so với kỳ trước, tăng 362 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 547 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Vĩnh Phúc, Yên Bái, Điện Biên, Thanh Hóa, Nghệ An, Khánh Hòa, Gia Lai, Đắk Lắk, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Bình Phước …;

***1.5. Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 1.846 ha (giảm 23 ha so với kỳ trước, tăng 324 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 59 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 900 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Phú Thọ, Yên Bái, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Thuận, Đồng Nai, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bà Rịa Vũng Tàu…;

***1.6***. ***Bệnh đen lép hạt***: Diện tích nhiễm 2872 ha (giảm 1.972 ha so với kỳ trước, tăng 145 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 30 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 1.052 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Bình Thuận, Quảng Nam, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Gia Lai, Bình Định, Phú Yên, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Kiên Giang, Đồng Nai…;

***1.7. Ốc bươu vàng:*** Diện tích nhiễm 3.337 ha (giảm 4.879 ha so với kỳ trước, tăng 452 ha so với CKNT); diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 725 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Khánh Hòa, Lâm Đồng, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Long An, Hậu Giang, Đồng Nai, …;

***1.8. Chuột:*** Diện tích nhiễm 12.149 ha (giảm 1.627 ha so với kỳ trước, tăng 2.272 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 505 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 1.682 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Gia Lai, An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng, Đồng Nai, Tiền Giang…;

***1.9. Sâu năn (Muỗi hành):*** Diện tích nhiễm 160 ha (giảm 190 ha so với kỳ trước, tăng 145 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 160 ha. Phân bố chủ yếu tại tỉnh Đồng Tháp.

**2. Cây ngô**

*Sâu keo mùa thu:* Diện tích nhiễm 306 ha (giảm 41 ha so với kỳ trước, giảm 105 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 234 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Yên Bái, Bắc Kạn, Hải Dương, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Phú Yên, Đồng Nai, …

**3. Cây nhãn**

*Bệnh chổi rồng:* Diện tích nhiễm 229 ha (giảm 03 ha so với kỳ trước, giảm 146 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 12 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 38 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam: Bình Phước, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Trà Vinh, Tiền Giang, Bến Tre, Hậu Giang, ....

**4. Cây thanh long**

*Bệnh đốm nâu*: Diện tích nhiễm 390 ha (giảm 09 ha so với kỳ trước, tăng 02 so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 173 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Trà Vinh, Bà Rịa -Vũng Tàu,…

**5. Cây dừa**

*- Bọ cánh cứng*: Diện tích nhiễm 5.483 ha (tăng 10 ha so với kỳ trước, giảm 921 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 57 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 277 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Phú Yên, Bình Thuận, Bến Tre, Sóc Trăng, Cà Mau, Tiền Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Hậu Giang…;

*- Sâu đầu đen* (*Opisina arenosella* Walker): Diện tích nhiễm 391 ha (giảm 27 ha với kỳ trước, giảm 175 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 23 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 1.004 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Khánh Hòa, Bình Thuận, Phú Yên, Bến Tre, Kiên Giang, Trà Vinh, Tiền Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng,…

**6. Cây ăn quả có múi**

- *Bệnh vàng lá thối rễ:* Diện tích nhiễm 500 ha (tăng 69 ha so với kỳ trước, giảm 280 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 06 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 230 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Tuyên Quang, Hòa Bình, Hậu Giang, Sóc Trăng, Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bà Rịa Vũng Tàu,…;

*- Bệnh Greening*: Diện tích nhiễm 679 ha (tăng 25 ha so với kỳ trước, tăng 241 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 03 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 61 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bình Phước….

**7. Cây sầu riêng**

*Bệnh xì mủ*: Diện tích nhiễm 2.876 ha (giảm 07 ha so với kỳ trước, giảm 872 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 107 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 3.062 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Khánh Hoà, Đắk Lắk, Đồng Nai, Tiền Giang, Bình Phước, Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng…;

**8. Cây hồ tiêu**

*- Tuyến trùng*: Diện tích nhiễm 1.640 ha (tăng 142 ha so với kỳ trước, giảm 182 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 116 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 144 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Trị, Gia Lai, Đồng Nai, Bình Phước, Bình Dương, Kiên Giang..;

*- Bệnh chết chậm*: Diện tích nhiễm 933 ha (giảm 107 ha so với kỳ trước, giảm 648 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 172 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 228 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương, Kiên Giang…;

*- Bệnh chết nhanh*: Diện tích nhiễm 209 ha (tăng 6 ha với kỳ trước, tăng 152 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 10 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Gia Lai, Bình Phước, Kiên Giang, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu….

**9. Cây cà phê**

*- Bệnh khô cành*:Diện tích nhiễm 7.789 ha (tăng 32 ha so với kỳ trước, giảm 1.250 ha so CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 5.260 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước..;

*- Bệnh gỉ sắt:*Diện tích nhiễm 5.960 ha (giảm 225 ha so với kỳ trước, giảm 1.265 ha so CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 8.308 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước..;

**10. Cây chè**

*Bọ xít muỗi*: Diện tích nhiễm 3.786 ha (tăng 72 ha so với kỳ trước, tăng 403 ha so với CKNT); diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 3.171 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Nguyên, Lâm Đồng, Yên Bái, Hà Nội,…

**11. Cây sắn (khoai mì)**

*Bệnh khảm lá virus:* Diện tích nhiễm 53.984 ha (tăng 2.675 ha với kỳ trước, giảm 12.596 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 7.687 ha; diện tích đã phòng trừ môi giới truyền bệnh trong kỳ 861 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Quảng Nam, Gia Lai, Khánh Hoà, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Đắk Lắk ,Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Bình Phước, Bà Rịa Vũng Tàu….

**12. Cây điều**

*- Bọ xít muỗi*: Diện tích nhiễm 7.263 ha (giảm 488 ha so với kỳ trước, tăng 1.600 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 35 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 793ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh: Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Thuận, Khánh Hòa, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu;

*- Bệnh thán thư:* Diện tích nhiễm 6.443 ha (giảm 95 ha so với kỳ trước, tăng 1.478 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 26 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 2.675 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Bình Thuận, Bình Phước, Đồng Nai,….

**III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ**

**1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

***1.1. Trên cây lúa***

*a) Các tỉnh Bắc Bộ:*

*- Bệnh đạo ôn lá:* Bệnh tiếp tục hại tăng trên trà chính vụ - muộn, giống nhiễm trong điều kiện thời tiết thuận lợi, đặc biệt là trên những diện tích lúa đã bị nhiễm bệnh chưa được phòng trừ hoặc phòng trừ nhưng hiệu quả không cao.

*- Bệnh đạo ôn cổ bông:* Bệnh tiếp tục phát sinh gây hại trên diện tích lúa sớm, các giống nhiễm, chủ yếu trên những diện tích lúa đã bị nhiễm đạo ôn lá hại nặng.

*- Sâu cuốn lá nhỏ:* Trưởng thành lứa 2 tiếp tục vũ hóa rộ. Trứng nở, sâu non tiếp tục gây hại trên trà chính vụ - muộn.

- *Rầy nâu – rầy lưng trắng:* Rầy cám lứa 2 nở rộ, hại tăng trên các trà lúa, giống nhiễm.

*- Sâu đục thân 2 chấm:* Sâu non tiếp tục gây hại dảnh héo, bông bạc. Trưởng thành lứa 2 tiếp tục vũ hóa.

Ngoài ra, các đối tượng *chuột, bọ xít đen, bọ xít dài, bệnh đốm nâu, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá,...* tiếp tục hại

*b) Các tỉnh Bắc Trung Bộ:*

*- Chuột:* tiếp tục phát sinh gây hại tăng trên trà lúa chính vụ - muộn tại các tỉnh trong vùng, hại nặng cục bộ khu vực gần gò bãi, nương máng, gò đống.

*- Bệnh đạo ôn cổ bông:* tiếp tục phát sinh gây hại tăng trên trà lúa sớm – chính vụ. Hại nặng cục bộ trên các giống nhiễm, trên các chân ruộng bị nhiễm đạo ôn lá nặng.

*- Bệnh khô vằn*: phát sinh gây hại tăng trên trà lúa muộn, hại nặng cục bộ trên những chân ruộng gieo cấy dày, bón phân không cân đối.

*- Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn*: có khả năng phát sinh gây hại tăng trên trà lúa muộn tại Nghệ An, Thanh Hoá, hại nặng cục bộ trên các chân ruộng bón phân không cân đối thừa đạm.

*- Bệnh đen lép hạt:* tiếp tục phát sinh gây hại tăng trên lúa trỗ bông – phơi màu tại các tỉnh Quảng Trị, thành phố Huế, trên lúa trà sớm tại Nghệ An; hại nặng cục bộ tại những vùng thường xuyên bị bệnh gây hại nặng trong những năm trước.

*- Rầy nâu, rầy lưng trắng:* phát sinh gây hại tăng trên trà lúa sớm – chính vụ, có khả năng gây cháy cục bộ trên các giống nhiễm.

*c) Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên:*

- Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ:

+ *Rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đen lép thối hạt,*... tiếp tục gây hại rải rác lúa Đông Xuân giai đoạn cuối vụ.

+ *Bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, ốc bươu vàng,*...hại rải rác lúa Hè Thu sớm giai đoạn xuống giống - mạ - đẻ nhánh.

- Các tỉnh Tây Nguyên:

*+ Sâu đục thân hai chấm, bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh khô vằn, bệnh đen lép thối hạt,*...hại rải rác trên lúa giai đoạn trỗ - chín.

*+ Sâu cuốn lá nhỏ, ốc bươu vàng,...*hại rải rác lúa Hè Thu sớm giai đoạn xuống giống - mạ - đẻ nhánh.

*- Chuột:* tiếp tục gây hại rải rác trên lúa Đông Xuân muộn giai đoạn trỗ - chín, đặc biệt hại giống gieo lúa Hè Thu sớm.

*d) Các tỉnh Nam bộ:*

*- Rầy nâu:* Rầy ngoài đồng phổ biến tuổi 2-4. Các địa phương chuẩn bị xuống giống lúa Hè Thu 2025 cần chuẩn bị giống tốt, làm đất kỹ, theo dõi sát diễn biến rầy vào đèn cũng như tình hình khí tượng thuỷ văn tại địa phương để xuống giống lúa an toàn.

*- Bệnh đạo ôn, bạc lá vi khuẩn, bệnh đen lép hạt:* có khả năng tiếp tục phát triển và gây hại tăng trên các trà lúa đang trong giai đoạn trỗ - chín.

Ngoài ra, cần chú ý: *Chuột* gây hại trên lúa giai đoạn đòng- trỗ chín; *ốc bươu vàng* gây hại trên lúa Hè Thu mới xuống giống, đặc biệt ở những chân ruộng thấp, trũng, khó thoát nước.

***1.2. Trên cây trồng khác***

*a) Trên cây ngô*: *Sâu keo mùa thu, sâu ăn lá, bệnh đốm lá ,*...tiếp tục gây hại trên ngô giai đoạn phát triển thân lá- xoáy nõn, mức độ hại phổ biến từ nhẹ- trung bình, cục bộ hại nặng. *Sâu đục thân đục bắp, bệnh gỉ sắt, bệnh khô vằn*,...tiếp tục phát sinh gây hại trên ngô giai đoạn trỗ cờ - thâm râu.

*b) Cây sắn:* *Bệnh khảm lá virus* tiếp tục lây lan nhiễm bệnh tại các vùng trồng sắn trong cả nước, đặc biệt khu vực miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ. Lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như *bọ phấn trắng, rệp sáp*,... .

*c) Trên cây rau, màu*: Các đối tượng sinh vật hại như *sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy, bệnh sương mai*,... tiếp tục gây hại nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng trên rau họ hoa thập tự. *Sâu đục lá cà chua Nam Mỹ, bệnh xoăn lá virus* cà chua*, bệnh sưng rễ* bắp cải,.. tiếp tục gây hại. *Sâu khoang, sâu xám, bệnh lở cổ rễ, bệnh héo xanh*,... tiếp tục hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên lạc, đậu đỗ vụ Đông Xuân.

*d) Trên cây ăn quả:*

*- Cây ăn quả có múi*: *Bệnh vàng lá thối rễ, bệnh Greening, sâu vẽ bùa, rệp, nhện đỏ,...* tiếp tục phát sinh và gây hại trên các vùng trồng cây có múi, gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

*- Cây nhãn, vải:* Sâu cuốn lá, sâu đo, bệnh thán thư tiếp tục hại tại các tỉnh phía Bắc; *Bệnh chổi rồng nhãn* tiếp tục hại chủ yếu trên cây nhãn tại các tỉnh phía Nam.

*- Cây sầu riêng:* Bệnh nứt thân xì mủ do Phytophthora sp., bệnh thán thư,…tiếp tục gây hại trên cây sầu riêng; Mọt đục cành, rệp sáp, rầy bông, bệnh thối rễ,…hại cục bộ.bệnh cháy lá, rệp sáp, rầy phấn, bọ trĩ... có khả năng gia tăng diện tích nhiễm.

*- Cây thanh long:* *Bệnh đốm nâu, rệp sáp, thán thư, ốc*,...tiếp tục gây hại trên các vườn thanh long.

*- Cây dừa:* *Bọ cánh cứng, sâu đầu đen, bọ vòi voi,*... tiếp tục phát sinh và gây hại tại các khu vực trồng dừa tỉnh Bến Tre, Sóc Trăng, Cà Mau, Tiền Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Hậu Giang, …

*e) Trên cây công nghiệp lâu năm:*

*- Cây cà phê:**Bọ xít muỗi* gây hại chủ yếu trên cây cà phê chè ở Lâm Đồng. *Rệp sáp, rệp vảy, mọt đục thân/cành, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt*,...tiếp tục gây hại trên cà phê giai đoạn ra hoa- quả non.

*- Cây hồ tiêu:* *Bệnh chết chậm, bệnh chết nhanh, tuyến trùng rễ, rệp sáp,*... gây hại cục bộ.

*- Cây điều:* *Bọ xít muỗi, bệnh thán thư ,*...tiếp tục phát sinh và gia tăng gây hại điều giai đoạn ra hoa - nuôi quả.

*- Cây cao su:* *Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh đốm lá, bệnh nấm hồng,*...tiếp tục gây hại nhẹ đến trung bình trên các vườn cao su.

*- Cây chè:* *Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bệnh thối búp*... tiếp tục phát sinh gây hại, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

*f) Trên tre, luồng, vầu:* Trứng châu chấu tre bắt đầu nở, châu chấu non sẽ phát tán ra diện rộng. Lưu ý: Cần theo dõi chặt chẽ diễn biến tại các khu vực châu chấu sinh sản hàng năm như Điện Biên, Cao Bằng, Sơn La,...để chủ động phòng chống kịp thời và hiệu quả.

**2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

- Chỉ đạo các tỉnh, thành phố thực hiện tốt công văn số 1043/TTBVTV-TTBVTV ngày 29/4/2025 của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật về việc chỉ đạo sản xuất trồng trọt và bảo vệ thực vật trên cây trồng.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ: tăng cường công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo, theo dõi chặt các đối tượng sinh vật gây hại trên lúa Đông Xuân 2024-2025 hiện nay như sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu-rầy lưng trắng, sâu đục thân 2 chấm, bệnh đạo ôn, chuột,… để chủ động các biện pháp phòng, chống hiệu quả. Lưu ý: Giám sát chặt chẽ diễn biến phát sinh và gây hại của bệnh đạo ôn, nhất là trong điều kiện thời tiết thuận lợi và trên các giống nhiễm; tiến hành phòng chống kịp thời tại những khu vực có tỷ lệ bệnh hại cao để hạn chế lây lan.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Duyên Hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ: tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến các đối tượng SVGH chính trên lúa Đông Xuân muộn và lúa Hè Thu 2025 để chủ động các biện pháp phòng chống. Tiếp tục tuyên truyền, vận động nông dân diệt chuột và thu lượm ốc bươu vàng liên tục bằng nhiều biện pháp.

- Chỉ đạo các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ: tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình và chủ động biện pháp phòng, chống các đối tượng SVGH chính như: *bệnh chết chậm* hại trên cây hồ tiêu; *rệp, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt,*.. hại trên cây cà phê; *bọ xít muỗi* và *bệnh thán thư* hại trên cây điều; *bệnh nứt, thân xì mủ* trên cây sầu riêng, *bệnh đốm nâu* hại thanh long.

- Chỉ đạo các Trung tâm BVTV vùng, các tỉnh tiếp tục thực hiện tốt công văn số 106/BVTV-TV ngày 19/01/2024 của Cục Bảo vệ thực vật về việc thực hiện các quy định về điều tra phát hiện SVGH cây trồng và công văn số 944/BVTV-TV ngày 01/6/2020 của Cục BVTV về báo cáo định kỳ.

- Chỉ đạo các tỉnh thực hiện tốt Chỉ thị số 1900/CT-BNN-BVTV ngày 15/3/2024 của Bộ NN&PTNT về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng ngô tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô. Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng sắn tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Chỉ đạo các tỉnh tiếp tục điều tra, phát hiện và chủ động biện pháp phòng chống sinh vật gây hại trên cây lâm nghiệp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Lãnh đạo Cục TT&BVTV (để b/c);  - Phòng KH-TC, HTQT (đưa website Cục);  - Trung tâm TT& BVTV vùng;  - Báo NNVN;  - Lưu: VT, TTBVTV. | **KT. CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ CỤC TRƯỞNG**      **Nguyễn Quý Dương** |

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ**

| **Stt** | **Tên SVGH** | **DTN(ha)** | | | | **DTN so với (ha)** | | **Phòng trừ (ha)** | **Phân bố** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhẹ-TB** | **Nặng** | **Mất trắng** | **Tổng** | **Kỳ trước** | **CKNT** |
| **I** | **Cây Lúa** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Đạo ôn lá | 12.771 | 410 | 0 | 13.182 | 3.982 | 5.499 | 12.908 | TB, NB, H.Nội, TH, NA, HT, QB, QTr, TTH, B.Thuận, L.Đồng, AG, KG, ĐT, HG, ĐN, TG |
| 2 | Đạo ôn cổ bông | 181 | 2 | 0 | 183 | -157 | -423 | 981 | ĐB, H.Nam, HT, QB, QT, TT Huế, G.Lai, L.Đồng, ST |
| 3 | Rầy hại lúa | 21.557 | 12 | 0 | 21.569 | 18.722 | -81.005 | 1.406 | ĐB, YB, TQ, NA, QB, QTr, TTHuế, K.Hòa, P.Yên, Q.Nam, Đ.Lắk, TG, ĐT, ĐN, ST |
| 4 | Sâu đục thân 2 chấm | 629 | 0 | 0 | 629 | -606 | 362 | 547 | VP, YB, ĐB, TH, NA, K.Hòa, G.Lai, Đ.Lắk, HG, ST, BL, ĐT, BP |
| 5 | Sâu cuốn lá nhỏ | 70.370 | 54.900 | 0 | 125.270 | 123.168 | -110.330 | 927 | TB, NĐ, NB, QB, TT Huế, G.Lai, AG, ST, ĐT, TG, BL, VL |
| 6 | Bệnh bạc lá | 1.787 | 59 | 0 | 1.846 | -24 | 324 | 900 | ĐB, PT, YB, TH, NA, QB, QTr, B.Thuận, ĐN, ST, ĐT, TG, VT |
| 7 | Bệnh đen lép hạt | 2.842 | 30 | 0 | 2.872 | -1.972 | 145 | 1.052 | Điện Biên, QT, TTHuế, B.Thuận, Q.Nam, K.Hòa, L.Đồng, G.Lai, B.Định, P.Yên, ĐT, ST, KG, ĐN |
| 8 | Chuột hại lúa | 11.645 | 505 | 0 | 12.149 | -1.627 | 2.272 | 1.682 | ĐB, VP, PT, TH, NA, HT, QB, QTr, TTH, K.Hòa, G.Lai AG, ĐT, ST, HG, ĐN, TG |
| 9 | Ốc bươu vàng | 3.337 | 0 | 0 | 3.337 | -4.879 | 452 | 725 | K.Hòa, L.Đồng, G.Lai, BL, ST, ĐT, LA, HG, ĐN, … |
| 10 | Bệnh khô vằn | 43.681 | 1.421 | 0 | 45.103 | 29.025 | -8.277 | 29.165 | NĐ, TB, PT, TH, NA, HT, QB, QTr, TTH, Q.Nam, K.Hòa, L.Đồng, B.Định, G.Lai, Đ.Lắk |
| 11 | Muỗi hành | 160 | 0 | 0 | 160 | -190 | 145 | 160 | ĐT,… |
| 12 | Bọ trĩ | 2.274 | 5 | 0 | 2.279 | -257 | 440 | 843 | B.Định, AG, ĐT, ĐN, ST, HCM, TN,… |
| **II** | **Cây trồng khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Chổi rồng nhãn | 217 | 12 | 0 | 229 | -3 | -146 | 38 | BP, VL, ST, TV, TG, BT, HG |
| 2 | Bệnh vàng lá thối rễ cây có múi | 494 | 6 | 0 | 500 | 69 | -280 | 230 | TQ, HBHG, ST, TG, VL, TV, BRVT |
| 3 | Bệnh Greening | 676 | 3 | 0 | 679 | 25 | 241 | 61 | VL, HG, ST, TV, BP |
| 4 | Đốm nâu thanh long | 390 | 0 | 0 | 390 | -9 | 2 | 173 | B.Thuận, LA, TG, TV, BRVT |
| 5 | Bọ cánh cứng hại dừa | 5.426 | 57 | 0 | 5.483 | 10 | -921 | 277 | P.Yên, BT, ST, CM, TG, KG, TV, VL, BL, HG |
| 6 | Sâu đầu đen hại dừa | 371 | 23 | 0 | 391 | -27 | -175 | 1.004 | K.Hòa, B.Thuận, P.Yên, BT, KG, TV, TG, ST, VL,.. |
| 7 | Bệnh xì mủ hại sầu riêng | 2.769 | 107 | 0 | 2.876 | -7 | -872 | 3.062 | L.Đồng, K.Hòa, ĐN, TG, BP, VL, HG, ST,… |
| 8 | Tuyến trùng hại tiêu | 1.524 | 116 | 0 | 1.640 | 142 | -182 | 144 | QTr, G.Lai, ĐN, BP, BD, KG |
| 9 | Chết chậm hại tiêu | 761 | 172 | 0 | 933 | -107 | -648 | 228 | QB, QTr, G.Lai, Đ.Lắk, ĐN, BP, BRVT, BD, KG,… |
| 10 | Chết nhanh hại tiêu | 209 | 0 | 0 | 209 | 6 | 152 | 10 | G.Lai, ĐN, BP, KG, BRVT, … |
| 11 | Bệnh khô cành cà phê | 7.789 | 0 | 0 | 7.789 | 32 | -1.250 | 5.260 | Điện Biên, QTr, L.Đồng, G.Lai, Đ.Lắk, ĐN, BP, … |
| 12 | Gỉ sắt cà phê | 5.960 | 0 | 0 | 5.960 | -225 | -1.265 | 8.308 | ĐB, SL, QTr,L.Đồng, G.Lai, Đ.Lắk, ĐN, BP, … |
| 13 | Bọ xít muỗi hại điều | 7.228 | 35 | 0 | 7.263 | -488 | 1.600 | 793 | L.Đồng, G.Lai, Đ.Lắk, B.Thuận, K.Hòa, BP, ĐN, BRVT, … |
| 14 | Bệnh thán thư hại điều | 6.417 | 26 | 0 | 6.443 | -95 | 1.478 | 2.675 | L.Đồng, G.Lai, Đ.Lắk, B.Thuận, BP, ĐN, … |
| 15 | Bọ xít muỗi hại chè | 3.786 | 0 | 0 | 3.786 | 72 | 403 | 3.171 | TN, H.Nội, YB, L.Đồng,… |
| 16 | Bệnh khảm lá sắn (mì) | 46.297 | 7.687 | 0 | 53.984 | 2.675 | -12.596 | 861 | TH, NA, HT, QB, QTr, TTH, P.Yên, Q.Nam, Q.Ngãi, G.Lai, K.Hòa, B.Thuận, Đ.Lắk, TN, ĐN, BRVT, BD, BP, LA, … |
| 17 | Sâu keo mùa thu hại ngô | 326 | 0 | 0 | 306 | -41 | -105 | 234 | YB, BK, HD, TH, NA, HT, QB, P.Yên, ĐN, … |